Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5206.15.00

Mã HS	5206.15.00
Mô tả hàng hóa	Sợi bông (trừ chỉ khâu), có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ: / - - Sợi có độ mảnh dưới 125 decitex (chi số mét trên 80)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 05:54:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52061500/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8088
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8088
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8088
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7687
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7640
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7640
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7640
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7640
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7640
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7640
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7690
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7690

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7690
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7690
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7690
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7690
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7691
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7691
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7691
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7691
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7691
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7691
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7692
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7646
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7654
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7654
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7654
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7654
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7654
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7654
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7676
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7676
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7676
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7676
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7676
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7676
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7722
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7722
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7722
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7722
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7722
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7702
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7702
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7702
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7702
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7702
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7702
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7715
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7715
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7715
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7715
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7715
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7715
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7719
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7719
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7719
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7719
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7719
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7719
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7720
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7720
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7720
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7720
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7720
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7670
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7670
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7670
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7670
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7670
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7670
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7670
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7707
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7707
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7707
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7707
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7707
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7707
RCEP B	2022	2022	0	B!D7707
RCEP B	2023	2023	0	B!E7707
RCEP B	2024	2024	0	B!F7707
RCEP B	2025	2025	0	B!G7707
RCEP B	2026	2026	0	B!H7707
RCEP B	2027	2027	0	B!I7707
RCEP C	2022	2022	0	C!D7707
RCEP C	2023	2023	0	C!E7707
RCEP C	2024	2024	0	C!F7707
RCEP C	2025	2025	0	C!G7707
RCEP C	2026	2026	0	C!H7707

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7707
RCEP D	2022	2022	0	D!D7707
RCEP D	2023	2023	0	D!E7707
RCEP D	2024	2024	0	D!F7707
RCEP D	2025	2025	0	D!G7707
RCEP D	2026	2026	0	D!H7707
RCEP D	2027	2027	0	D!I7707
RCEP E	2022	2022	0	E!D7710
RCEP E	2023	2023	0	E!E7710
RCEP E	2024	2024	0	E!F7710
RCEP E	2025	2025	0	E!G7710
RCEP E	2026	2026	0	E!H7710
RCEP E	2027	2027	0	E!I7710
RCEP F	2022	2022	0	F!D7707
RCEP F	2023	2023	0	F!E7707
RCEP F	2024	2024	0	F!F7707
RCEP F	2025	2025	0	F!G7707
RCEP F	2026	2026	0	F!H7707
RCEP F	2027	2027	0	F!I7707
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F7113
VIFTA	2025	2025	4	VI!G7113
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H7113
VIFTA	2027	2027	3	VI!I7113

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5206.15.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5206.15.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8088), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.